

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ,
kết hợp du lịch sinh thái huyện Quan Sơn đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030; 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

Căn cứ các quyết định của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh số: 622- QĐ/TU ngày 23/7/2021 về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; 623-QĐ/TU ngày 23/7/2021 về ban hành Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; 624-QĐ/TU ngày 23/7/2021 về ban hành Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số: 1985/QĐ-UBND ngày 9/6/2017 về việc phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm du lịch mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn 2030; 1575/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030; 1031/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái huyện Quan Sơn, đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 14/12/2021 (kèm theo báo cáo thẩm định số 15/BC-SNN&PTNT ngày 10/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phải gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; các chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển du lịch để phát huy tiềm năng thế mạnh về nông nghiệp hữu cơ và du lịch trên địa bàn huyện Quan Sơn.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái phải được triển khai cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng tăng cường áp dụng rộng rãi các biện pháp hữu cơ (phân bón hữu cơ, thuốc sinh học, ...) trong sản xuất nông nghiệp; từng bước tăng dần tỷ lệ sản phẩm hữu cơ được chứng nhận theo tiêu chuẩn Quốc gia; đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, đồng thời góp phần phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Quan Sơn.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái ở các quy mô, cấp độ từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm hữu cơ, môi trường an toàn cho người dân, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm dịch vụ du lịch sinh thái, hiệu quả sử dụng đất; đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quan Sơn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Trồng trọt: Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng 1,5% diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, cây dược liệu và một số sản phẩm đặc sản và có lợi thế của huyện. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ trên đối tượng cây cụ thể như sau: Vùng sản xuất lúa nước 10 ha; lúa nếp Cay Nội 15 ha; rau màu 5 ha; cây ăn quả 10 ha; cây dược liệu 25 ha, chè hữu cơ 5 ha.

- Chăn nuôi: Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt 1,5-1,7%/tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong huyện, với các sản phẩm bao gồm: Lợn đen, lợn Mông, vịt bầu Quan Sơn, gà đồi.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt 1,5%/tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó tập trung sản phẩm từ: Cá tầm, cá hồi, cá dóc và các loài thủy sản bản địa.

- Dược liệu và lâm sản ngoài gỗ (măng tre, nứa, vầu): Tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 95%; đối với hình thức thâm canh tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt 80 - 85%; trên cơ sở phát huy các diện tích rừng được cấp chứng nhận FSC.

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ tăng gấp 1,5 - 1,6 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 1.200 lao động, trong đó 500 lao động trực tiếp và 700 lao động gián tiếp.

- Đón được khoảng 8.000 lượt khách du lịch tại Quan Sơn trong đó có 2.000 lượt khách quốc tế và 6.000 lượt khách nội địa.

b) Đến năm 2030

- Trồng trọt: Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng 2% diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, cây dược liệu và một số sản phẩm đặc sản và có lợi thế của huyện. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ trên đối tượng cây cụ thể như sau: Vùng sản xuất lúa nước 30 ha; lúa nếp Cay Nội 30 ha; rau màu 20 ha; cây ăn quả 30 ha; cây dược liệu 50 ha, chè hữu cơ 10 ha.

- Chăn nuôi: Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt 2-2,5%/tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong huyện, với các sản phẩm bao gồm: Lợn đen, lợn Mông, vịt bầu Quan Sơn, gà đồi.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt 2%/tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó tập trung sản phẩm từ: Cá tầm, cá hồi, cá dóc và các loài thủy sản bản địa.

- Dược liệu và lâm sản ngoài gỗ (măng tre, nứa, vầu): Tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt trên 95%; đối với hình thức thâm canh tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 85 - 90%; trên cơ sở phát huy các diện tích rừng được cấp chứng nhận FSC.

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ tăng gấp khoảng 2 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 2.500 lao động, trong đó có 1.000 lao động trực tiếp và 1.500 lao động gián tiếp.

- Đón được khoảng 16.000 lượt khách du lịch tại Quan Sơn trong đó có 5.500 lượt khách quốc tế và 10.500 lượt khách nội địa.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ KẾT HỢP DU LỊCH SINH THÁI

1. Nhiệm vụ phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ

1.1. Vùng trồng trọt hữu cơ

- Xây dựng các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm chủ lực như lúa (nếp Cay nội), rau đậu các loại (rau hữu cơ, dưa, cải mông, dưa, quả tanh lài, quả cloom, mướp đắng, ...), cây ăn quả (đào, mận, mít, nhãn, chuối, ...), Chè tán ma, cây dược liệu... cần có kế hoạch chuyển đổi các vùng đang sản xuất các sản phẩm chủ lực này sang sản xuất hữu cơ. Vị trí, quy mô và đối tượng sản xuất trồng trọt hữu cơ cụ thể như sau:

- Vùng lúa tẻ hữu cơ: Diện tích 10 ha năm 2025 và khoảng 30 ha năm 2030; chủ yếu tập trung ở các xã Mường Mìn, Sơn Điện, Trung Hạ và Trung Tiến.

- Vùng lúa nếp Cay Nội hữu cơ: Diện tích khoảng 15 ha năm 2025 và khoảng 30 ha năm 2030; chủ yếu tập trung ở Thị trấn Sơn Lư, xã Sơn Hà, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Thủy và Mường Mìn, Na Mèo, Sơn Điện.

- Vùng rau màu hữu cơ: Diện tích đạt khoảng 5 ha năm 2025 và trên 20 ha năm 2030. Đối tượng gồm: Các loại rau bản địa, dưa, cải mông, quả cloom, quả tanh lài ... Diện tích tập trung chủ yếu các xã: Na Mèo, Sơn Thủy, Mường Mìn, Sơn Điện, Trung Xuân.

- Vùng cây ăn quả các loại: Diện tích khoảng 10 ha năm 2025 và khoảng 30 ha năm 2030. Tập trung ở các xã Na Mèo, Trung Hạ, Trung Tiến, Mường Mìn, Sơn Thủy, Sơn Điện, Trung Thượng. Đối tượng sản xuất cây ăn quả hữu cơ gồm: Đào, mận, nhãn, mít, bưởi, cam, ổi.

- Vùng Chè hữu cơ: Diện tích trồng khoảng 5 ha năm 2025 và khoảng 10 ha năm 2030. Tập trung ở bản Phụn, Phú Nam, xã Trung Xuân.

- Vùng cây dược liệu và các lâm sản ngoài gỗ:

+ Diện tích trồng cây dược liệu khoảng 25 ha năm 2025 đạt và khoảng 50 ha năm 2030. Tập trung ở bản Khạn, xã Trung Thượng với cây Quế; khu Pú Khoài, bản Chanh, xã Sơn Thủy. Đối tượng trồng: Hà thủ ô, sa nhân, mã tiền.

+ Đối với lâm sản ngoài gỗ (măng, tre, nứa vầu) tập trung phát triển khu vực rừng sản xuất ở các xã trên địa bàn huyện.

(chi tiết theo Phụ biểu số I kèm theo)

1.2. Vùng chăn nuôi hữu cơ

Xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ gắn với các sản phẩm chủ lực và con nuôi bản địa của huyện như: Vịt bầu Quan Sơn, gà đồi, gà mông, lợn cỏ, lợn đen. Tập trung ở thị trấn Sơn Lư, xã Na Mèo, Sơn Hà, Trung Hạ, Sơn Thủy, Trung Xuân.

(chi tiết theo Phụ biểu số II kèm theo)

1.3. Vùng thủy sản hữu cơ

Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 2% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế: Cá tầm, cá hồi, các loài thủy sản bản địa cá trắm, cá dóc... Tập trung ở bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện; xã Sơn Thủy; xã Trung Hạ, xã Tam Lư và khu vực lòng hồ thủy điện Trung Xuân.

2. Vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với các tuyến, điểm du lịch

2.1. Xây dựng các tuyến, điểm tổ chức du lịch

a) Điểm du lịch

- Trung tâm Du khách.
- Điểm du lịch động Bo Cúng.
- Điểm du lịch chợ cửa khẩu Na Mèo.
- Điểm du lịch thác bản Nhài.
- Điểm du lịch đền thờ Tư Mã Hai Đào.
- Điểm du lịch động Năng Non.
- Điểm du lịch cộng đồng bản Ngàm.
- Điểm du lịch cộng đồng bản Khạn.
- Điểm du lịch thác bản Din.
- Điểm du lịch tại đập thủy điện Trung Xuân.

b) Xây dựng các tuyến du lịch

Tuyến 1: Tuyến du lịch Quan Sơn - Viêng Xay (nước CHDCND Lào).

Tuyến 2: Tuyến du lịch thăm quan động Bo Cúng, xã Sơn Thủy.

Tuyến 3: Tuyến xuôi dòng sông Lò.

Tuyến 4: Tuyến ngược dòng sông Lò.

2.2. Bố trí xây dựng các mô hình sản xuất hữu cơ kết hợp với du lịch sinh thái

Bố trí xây dựng các mô hình sản xuất hữu cơ gắn với các điểm du lịch sinh thái (*chi tiết theo Phụ biểu số III kèm theo*).

3. Các dòng sản phẩm, dịch vụ, tổ chức quản lý và khai thác

3.1. Các sản phẩm trong nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái

- Sản phẩm du lịch kết tinh từ di sản thiên nhiên: Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, công trình giao thông, thông tin, dịch vụ lưu trú, dịch vụ thương mại, ẩm thực, giải trí để khai thác tiềm năng du lịch có sẵn từ thiên nhiên như: Hệ sinh thái rừng, núi, thác nước, sông, suối.

- Sản phẩm du lịch kết tinh từ giá trị văn hóa: Phát triển du lịch cộng đồng gắn với các di tích lịch sử văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc Thái, Mông, Mường trên địa bàn huyện.

- Sản phẩm du lịch kết tinh từ sản xuất nông nghiệp:

+ Du lịch trải nghiệm sản xuất nông nghiệp: Du khách tham gia cùng các hộ dân trong việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ như trồng lúa, thu hoạch lúa, hái mận, trồng dưa, trồng cải mông; trồng, thu hoạch vầu, làm đan lát từ vầu, luồng, nứa.

+ Từ các sản phẩm nông nghiệp: Các sản phẩm nông nghiệp như gạo, quả các loại, dưa mông, quả mận tạo thành các sản phẩm ăn uống và quà cho khách du lịch.

3.2. Dịch vụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái

Dịch vụ gồm: Lưu trú, nghỉ dưỡng; hướng dẫn viên du lịch; ăn uống; cắm trại; biểu diễn nghệ thuật; trải nghiệm nông nghiệp, khám phá mạo hiểm; đạp xe tham quan; bơi thuyền ngắm cảnh trên sông; mua sắm từ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

3.3. Liên kết, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái

- Liên kết với đơn vị khoa học, các trường Đại học, viện nghiên cứu tổ chức các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, để sản xuất sản phẩm hữu cơ trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Kết nối các trang trại, HTX trong vùng có hoạt động sản xuất nông nghiệp và du lịch gắn với các tour, tuyến của doanh nghiệp.

- Xây dựng thông điệp quảng bá sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, lựa chọn kênh thông tin. Nghiên cứu, điều tra thị trường nông nghiệp, du lịch định kỳ theo để có được thông tin về diễn biến thị trường làm cơ sở cho cách hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, phát triển sản phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư; kết nối đối tác, phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin, danh mục dự án kêu gọi đầu tư đến nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

- Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Xã hội hóa hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua việc huy động các nguồn vốn, trí thức của tập thể và cá nhân trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động xúc tiến quảng bá.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh/thành phố trong và ngoài nước, các Đại sứ quán, cơ quan, tổ chức quốc tế để lồng ghép việc quảng bá, giới thiệu hình ảnh, văn hóa, sản phẩm du lịch.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Quản lý, giám sát về sản xuất hữu cơ kết hợp với du lịch sinh thái

1.1. Quản lý hoạt động sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Các hoạt động phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái được quản lý và giám sát theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017 các quy định pháp luật hiện hành, trong đó tập trung.

- Quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia; nguồn nước sử dụng; quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc vật nuôi, thủy sản.

- Quản lý sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: chứng nhận, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, lô-gô sản phẩm.

- Tăng cường quản lý nhà nước kiểm tra giám sát, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ để duy trì chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận.

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ tại từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

1.2. Tổ chức giám sát hoạt động phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái

- Giám sát việc xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn xã.

- Giám sát việc xây dựng các công trình theo đúng quy hoạch và tiến độ để đảm bảo không có các vi phạm và quản lý các tác động, ô nhiễm nếu có.

- Hàng năm tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án, kịp thời đề nghị Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn huyện Quan Sơn.

- Tập trung tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; ưu tiên tập trung trên một số lĩnh vực: Giống, bảo vệ thực vật, thú y, kiểm tra chất lượng giống, phân bón, công nghệ sinh học, quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt; bảo quản, chế biến sản phẩm nông sản, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi sự biến đổi khí hậu, nhiệt độ, môi trường, độ ẩm, các tác động ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp.

3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểu về nông nghiệp hữu cơ

- Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia thành lập các tổ chức chứng nhận trong nước có uy tín và đầu tư xây dựng các mô hình nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến các sản phẩm hữu cơ như: Mô hình sản xuất lúa hữu cơ; mô hình sản xuất rau hữu cơ bản địa; mô hình cây ăn quả hữu cơ; mô hình chăn nuôi hữu cơ.

- Xây dựng mô hình khuyến nông về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân.

- Xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ theo liên kết chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và nhân rộng theo các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, muối.

- Xây dựng mô hình về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp hữu cơ.

4. Thông tin tuyên truyền, xúc tiến thương mại mở rộng thị trường

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực thi các chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ để tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong sử dụng, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Hỗ trợ các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Đẩy mạnh hỗ trợ triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy tiếp cận thị trường cả trong nước và quốc tế, tạo đầu ra cho nông sản hàng hóa nông nghiệp hữu cơ.

- Tăng cường nghiên cứu phân khúc thị trường tiêu thụ, kết nối với nhiều kênh phân phối, trong đó có hợp tác liên kết giữa các doanh nghiệp hoạt động thương mại tại các thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo, các cửa hàng, chợ nông thôn trên địa bàn huyện nhằm tiêu thụ nông sản hàng hóa nông nghiệp hữu cơ nói riêng và các sản phẩm nông nghiệp nói chung.

5. Giải pháp về khuyến nông, đào tạo nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về giao tiếp, ứng xử đối cho các cán bộ, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên phục vụ tại các cơ sở dịch vụ; kỹ năng nấu ăn phục vụ khách du lịch cho các cơ sở dịch vụ ăn uống và các hộ kinh doanh lưu trú du lịch tại nhà dân. Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch, quản lý du lịch và đăng ký cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho các đối tượng có đủ điều kiện được cấp thẻ, bao gồm cả cộng tác viên cộng đồng.

- Tổ chức các khóa đào tạo cho cộng đồng và các bên liên quan đến xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ và cung cấp các dịch vụ du lịch. Hoạt động đào tạo cần ưu tiên cho các thôn/bản có các hoạt động hoặc dự kiến sẽ là điểm lưu trú công đồng.

6. Giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng

6.1. Các dự án xây dựng cơ bản

- Xây dựng khu trung tâm đón tiếp khách và giới thiệu các tuyến du lịch tại Thị trấn Sơn Lư.
- Xây dựng khu trung tâm đón tiếp khách và giới thiệu các tuyến du lịch tại xã Na Mèo.
- Xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch.
- Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến, điểm du lịch.
- Xây dựng bãi đỗ xe tại các điểm tổ chức du lịch (Bản Chanh, bản Ngâm, bản Khạn, bản Na Mèo, bản Nhài, bản Luốc Lầu, bản Xuân Sơn).
- Hỗ trợ xây dựng 50 km đường giao thông nông thôn tại các điểm tổ chức du lịch sinh thái kết hợp nông nghiệp hữu cơ.
- Hỗ trợ xây dựng 30 km kênh thủy lợi tại các điểm phát triển nông nghiệp hữu cơ.
- Đầu tư xây dựng đường giao thông từ Ché Lầu đi Mùa Xuân - Xía Nội, xã Na Mèo, Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.
- Đường mới từ đường vào chùa Viên Quang nối với đường sang UBND Thị trấn Sơn Lư đi sang động Nang Non qua núi đá sang Piềng Thín thuộc Khu Bon.
- Đường vào thác Bản Nhài 2,4 km.
- Đường từ Quốc lộ 16 vào khu trồng dược liệu tập trung tại Vũng Cộp, bản Chanh, xã Sơn Thủy.
- Xây dựng Sa bàn mô phỏng các tuyến điểm du lịch tại khu trung tâm.

6.2. Nhóm dự án phát triển sản phẩm du lịch

- Đầu tư sửa chữa nhà bán đạt tiêu chuẩn đón khách tại các bản tổ chức du lịch cộng đồng, quy mô 75 hộ gia đình.
- Hỗ trợ xây dựng trạm trung chuyển du lịch và đường lên xuống (bản Ngâm - bản Xuân Sơn).
- Xây dựng các công trình cấp nước sạch và đường ống dẫn nước sạch tại các điểm du lịch.
- Xây dựng các công trình xử lý nước thải tại các điểm du lịch
- Đầu tư hạ tầng môi trường thu gom, xử lý rác thải, trang bị thùng rác thải đặt tại các tuyến, điểm du lịch nhất là các điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ.
- Chương trình hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bảo tồn, trồng cây dược liệu hữu cơ.

7. Giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Được huy động thông qua các Chương trình, dự án, nhiệm vụ; chương trình mục tiêu Quốc gia như: Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội; Chương trình mục tiêu quốc gia về

xây dựng Nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025... và các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Vốn xã hội hóa: Huy động tối đa nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái; huy động nguồn vốn trong Nhân dân để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn.

(chi tiết tại Phụ biểu IV kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Quan Sơn

Công bố công khai các nội dung của Đề án; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung Đề án được phê duyệt. Chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện.

Hàng năm, xây dựng các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Tổ chức xúc tiến, kêu gọi đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo, tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả và các biện pháp chỉ đạo thực hiện tiếp theo.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT

Hướng dẫn UBND huyện Quan Sơn công bố công khai rộng rãi nội dung của Đề án trên các phương tiện truyền thông để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện; cụ thể hóa các nhiệm vụ, các giải pháp nêu trên; tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động có liên quan phát đến phát triển nông nghiệp.

Phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình, thẩm định, phê duyệt các chính sách, chương trình, dự án đầu tư phát triển lồng ghép với các Chương trình đầu tư có mục tiêu, thuộc lĩnh vực quản lý; hỗ trợ trong việc thu hút, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư vào nông nghiệp, nông nghiệp hữu cơ và du lịch sinh thái trên địa bàn huyện. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong việc lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu và các chương trình, đề án khác trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND, HĐND tỉnh cân đối các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch ngân sách hàng năm và nguồn vốn lồng ghép do ngân sách tỉnh đảm nhận theo quy định để thực hiện có hiệu quả những nội dung của Đề án được duyệt.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với UBND huyện Quan Sơn triển khai có hiệu quả đề án phát triển Du lịch cộng đồng và Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra UBND huyện Quan Sơn, các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức quản lý các hoạt động phát triển du lịch, bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử; lồng ghép kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh với phát triển du lịch tại huyện Quan Sơn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu việc quản lý đất đai, giao đất, thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Quan Sơn. Hướng dẫn UBND huyện Quan Sơn xây dựng các phương án bảo vệ tài nguyên môi trường, phương án xử lý nước thải từ hoạt động du lịch và dân sinh trên địa bàn huyện.

7. Sở Xây dựng: Phối hợp với các Sở ngành, đơn vị có liên quan, hướng dẫn, kiểm tra giám sát công tác triển khai thực hiện quy hoạch; quản lý hoạt động xây dựng, dự án đầu tư xây dựng theo phân công, phân cấp quản lý.

8. Các sở, ban ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, phối hợp với UBND huyện Quan Sơn trong tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Đề án hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ biểu số I: Vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Quy mô, địa điểm				Cây trồng chủ lực
	Quy mô (ha)	Xứ đồng	Bản	Xã	
I	Vùng sản xuất lúa tẻ hữu cơ				
1	2	Pom Dụng	Bản Chiềng, Luốc Làu	Mường Min	Lúa tẻ
2	4	Bản Tân Sơn	Bản Tân Sơn	Sơn Điện	Lúa tẻ
3	5	Bản Din	Bản Din	Trung Hạ	Lúa tẻ
4	5	Bản Xanh	Bản Xanh	Trung Hạ	Lúa tẻ
5	4	Bản Tong	Bản Tong	Trung Tiến	Lúa tẻ
6	5	Bản Lầm	Bản Lầm	Trung Tiến	Lúa tẻ
7	5	Bản Muông	Bản Muông	Trung Xuân	Lúa tẻ
II	Vùng sản xuất nếp Cay nội hữu cơ				
1	2	Na Cha, Na Hàng	Bản Na Mèo	Na Mèo	Nếp Cay nội
2	3	Nà Tổng	Bản Ngâm	Sơn Điện	Nếp Cay nội
3	3	Bản Khạn	Bản Khạn	Trung Thượng	Nếp Cay nội
4	2	Đồng Na Sai	Bản Piềng Khỏe	Tam Lư	Nếp Cay nội
5	3	Đồng Hát	Bản Hát	Tam Lư	Nếp Cay nội
6	4	Ruộng Bản Bôn	Bản Bôn	Tam Thanh	Nếp Cay nội
7	3	Đồng Na Ấu	Bản Na Ấu	Tam Thanh	Nếp Cay nội
8	4	Đồng Nà Tuồng	Bản Chung Sơn	Sơn Thủy	Nếp Cay nội
9	1	Đồng Nà Bung	Bản Thủy Thành	Sơn Thủy	Nếp Cay nội
10	5	Khu Pom Dụng	Bản Mìn, Chiềng	Mường Min	Nếp Cay nội
III	Vùng sản xuất rau hữu cơ				
1	1	Đồng Na Ngồ	Sa Ná	Na Mèo	Rau hữu cơ
2	3	Noong Khảm	Bản Mùa Xuân	Sơn Thủy	Dưa, cải mông
3	5	Khu Piềng Phay	Bản Chung Sơn	Sơn Thủy	Quả tanh lái
4	3	Piềng Liềng	Bản Xuân Thành	Sơn Thủy	Quả Cloom
5	5	Piềng Bơn	Bản Bơn	Mường Min	Rau hữu cơ
6	3	Na Lách	Bản Nhài	Sơn Điện	Rau hữu cơ
VI	Vùng sản xuất cây ăn quả hữu cơ				
1	3	Khu Chông Pore	Bản Ché Lầu	Na Mèo	Đào mận
2	5	Bản Lang	Bản Lang	Trung Hạ	Cây có múi
3	2	Bản Tong	Bản Tong	Trung Tiến	Cây có múi

TT	Quy mô, địa điểm				Cây trồng chủ lực
	Quy mô (ha)	Xứ đồng	Bản	Xã	
4	5	Piêng Phạ	Bản Bơn	Mường Mìn	Cây có múi
5	5	Pom Lộc	Bản Bom	Mường Mìn	Cây có múi
6	5	Bản Khạn	Bản Khạn	Trung Thượng	Đào, mơ, mận
7	5	Pha Phanh	Na Hồ	Sơn Điện	Cây có múi

Phụ biểu số II: Vùng chăn nuôi hữu cơ đến năm 2030
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Đối tượng nuôi	Quy mô	Địa điểm
1	Vịt Bầu Quan Sơn	1.500 con/năm	Xã Sơn Hà, Trung Hạ
2	Gà đồi (gà Mông ...)	1.000 con/năm	Na Mèo, Sơn Thủy
3	Chăn nuôi lợn (lợn cỏ, lợn đen, lợn mông)	2.000 con/năm	Sơn Thủy, Na Mèo, Sơn Điện
			Xã Trung Hạ, Trung Xuân

**Phụ biểu số III: Xây dựng các mô hình thí điểm sản xuất
nông nghiệp hữu cơ, đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên mô hình	Quy mô	Sản phẩm	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
Sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi)					
1	Xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ gắn với điểm du lịch Năng Non - Thị trấn Sơn Lư.	2-3ha/01 mô hình	Gạo hữu cơ	Thị trấn Sơn Lư	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
2	Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả gắn với điểm du lịch chợ cửa khẩu Na Mèo.	5-10 ha/01 mô hình	Đào, mận hữu cơ	Xã Na Mèo	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
3	Xây dựng mô hình sản xuất lúa nếp cái nọi hữu cơ gắn với điểm du lịch động Bo Cúng, xã Sơn Thủy.	2-3 ha/01 mô hình	Gạo nếp cái nọi hữu cơ	Sơn Thủy	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
4	Xây dựng mô hình sản xuất rau hữu cơ gắn với điểm du lịch núi Pha Dừa, bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy	2-3 ha/01 mô hình	Dưa mông, tanh lái, quả cloom hữu cơ	Sơn Thủy	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
5	Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả gắn với điểm du lịch cộng đồng bản Ngàm xã Sơn Điện	5 ha/01 mô hình	Đào, mận hữu cơ	Sơn Điện	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
6	Xây dựng mô hình sản xuất thủy sản hữu cơ gắn với điểm du lịch suối Khà - Bản Ngàm, xã Tam Thanh	1-2 ha/mô hình	Các loại cá hữu cơ	Tam Thanh	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
7	Xây dựng mô hình chăn nuôi hữu cơ gắn với điểm du lịch thác Ma Hao - Bản Lợi xã Trung Hạ	5-7 ha/mô hình	Vịt bầu Quan Sơn, lợn đen, lợn cỏ hữu cơ	Trung Hạ	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn

**Phụ biểu số IV: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái
trên địa bàn huyện Quan Sơn đến 2030**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng vốn	Phân kỳ 2022-2025					Phân kỳ 2026-2030				
			Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa
	Tổng	146355	65260	14400	3308	6309	41243	81095	34500	878	2394	43323
I	Các Dự án quy hoạch chi tiết	1800	1800	0	1260	540	0	0	0	0	0	0
1	Quy hoạch chi tiết điểm du lịch thác Ma Hao, Trung Hạ.	900	900		630	270		0				
2	Quy hoạch chi tiết điểm du lịch suối Khà xã Tam Thanh.	900	900		630	270		0				
II	Các dự án xây dựng cơ bản	101755	32780	10740	0	0	22040	68975	33960	0	0	35015
1	Xây dựng khu trung tâm đón tiếp khác và giới thiệu các tuyến du lịch tại thị trấn Sơn Lư.	1500	1500				1500	0				0
2	Xây dựng khu trung tâm đón tiếp khác và giới thiệu các tuyến du lịch tại xã Na Mèo	1700	1700				1700	0				0
3	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch.	1000	700				700	300				300
4	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến, điểm du lịch.	1000	700				700	300				300
5	Xây dựng bãi đỗ xe tại các điểm tổ chức du lịch sinh thái (Bản Chanh, bản Ngâm, bản Khạn, bản Ngâm, bản Na Mèo, bản Nhài, bản Xuân Sơn, bản luốc lầu).	4000	2800				2800	1200				1200

TT	Danh mục	Tổng vốn	Phân kỳ 2022-2025					Phân kỳ 2026-2030				
			Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa
6	Hỗ trợ xây dựng hệ thống giao thông nông thôn tại các điểm tổ chức du lịch sinh thái kết hợp nông nghiệp hữu cơ.	6880	4800	2400			2400	2080	1040			1040
7	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thủy lợi tại các điểm phát triển nông nghiệp hữu cơ.	3675	2500				2500	1175				1175
9	Đường mới từ đường vào chùa Viên Quang nối với đường sang UBND Thị trấn đi sang động Nang non qua núi đá sang Piềng Thín bản Bon.	10800	10800	5400			5400	0				0
10	Đường vào Khu Thác Bản Nhài.	8400	5880	2940			2940	2520	2520			
11	Đường vào Khu Thác Bản Xuân Sơn.	15750	0				0	15750	7875			7875
12	Đường từ động Bọ Cúng vào Bản Khà, bản Mùa Xuân.	45050	0				0	45050	22525			22525
13	Xây dựng điện chiếu sáng vào động Bo Cúng, động Nang Non.	2000	1400				1400	600				600
III	Các dự án phát triển nông nghiệp	3000	2100	0	0	600	1500	900	0	0	180	720
1	Chương trình hỗ trợ các hộ dân xây dựng mô hình trồng lúa hữu cơ.	1500	1050			300	750	450			90	360
2	Chương trình hỗ trợ các hộ dân xây dựng mô hình trồng rau hữu cơ.	1000	700			200	500	300			60	240
3	Chương trình hỗ trợ các hộ dân xây dựng các vùng cây ăn quả hữu cơ.	500	350			100	250	150			30	120

TT	Danh mục	Tổng vốn	Phân kỳ 2022-2025					Phân kỳ 2026-2030				
			Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa
IV	Nhóm dự án phát triển sản phẩm du lịch kết hợp du lịch sinh thái	7650	6075	2400	735	735	2205	1575	0	315	315	945
1	Đầu tư sửa chữa nhà cửa đạt tiêu chuẩn đón khách tại các bản tổ chức du lịch 75 hộ gia đình.	5250	3675		735	735	2205	1575		315	315	945
2	Hỗ trợ xây dựng trạm chu chuyển bến thuyền du lịch và đường lên xuống (bản Ngâm - bản Xuân Sơn).	2400	2400	2400				0				
IV	Về môi trường sinh thái	26000	18200	1260	0	2940	14000	7800	540	0	1260	6000
1	Đầu tư xây dựng các công trình nước sạch.	7200	5040	504		504	4032	2160	216		216	1728
2	Đầu tư xây dựng các công trình sử lý nước thải.	10800	7560	756		756	6048	3240	324		324	2592
3	Đầu tư hạ tầng môi trường thu gom và sử lý rác thải, Trang bị các thùng rác thải đặt tại các tuyến, điểm du lịch nhất là các điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ.	8000	5600			1680	3920	2400			720	1680
V	Nhóm nâng cao năng lực về phát triển di lịch và sản xuất nông nghiệp hữu cơ	3750	2625	0	1313	654	658	1125	0	563	279	283
1	Chương trình tập huấn kỹ năng du lịch sinh thái cho cán bộ kỹ năng quản lý về du lịch và ăn toàn trong kinh doanh du lịch.	600	420		210	105	105	180		90	45	45

TT	Danh mục	Tổng vốn	Phân kỳ 2022-2025					Phân kỳ 2026-2030				
			Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	ngân sách huyện, xã	xã hội hóa
2	Chương trình tập huấn về công tác quản lý và sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.	500	350		175	87	88	150		75	37	38
3	tổ chức nghiệp vụ các lớp chế biến các món ăn từ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và sản phẩm của địa phương.	650	455		228	113	114	195		98	48	49
4	tổ chức bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong sản xuất NN hữu cơ và kinh doanh du lịch sinh thái.	500	350		175	87	88	150		75	37	38
5	Tổ chức các lớp tham quan thực tế và trao đổi kinh nghiệm về các mô hình sản xuất nông hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái.	1500	1050		525	262	263	450		225	112	113
VI	Nhóm các dự án xúc bá quảng cáo và phát triển nông nghiệp hữu cơ	2400	1680	0	0	840	840	720	0	0	360	360
1	Xây dựng hệ thống các bảng quảng bá, bảng nội quy, bảng chỉ dẫn du lịch và các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.	1500	1050			525	525	450			225	225
2	Xây dựng trang thông tin điện tử, tuyên truyền, quảng bá về các sản phẩm du lịch sinh thái và các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.	400	280			140	140	120			60	60
3	Xây dựng Sa bàn mô phỏng các tuyến điểm du lịch tại khu trung tâm.	500	350			175	175	150			75	75